

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ AN PHÁT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư An Phát (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hồ Bửu Phương	Chủ tịch
Ông Thân Ngọc Minh	Thành viên
Ông Huỳnh Tấn Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hồ Bửu Phương	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Bửu Phương

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32nd Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3421 /2013/BCSX-IFC

BẢO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT **Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013** **đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư An Phát**

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư An Phát

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư An Phát (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2013 từ trang 4 đến trang 16.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
GCNĐKHN kiểm toán số 0747-2013-072-1
Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Lương Xuân Trường
Kiểm toán viên
GCNĐKHN kiểm toán số 1741-2013-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B01-CTQ

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.030.171.706	12.709.355.251
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		525.171.706	404.355.251
1. Tiền	111	4	525.171.706	404.355.251
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		-	12.300.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135		-	12.300.000.000
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.505.000.000	5.000.000
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5	5.000.000	5.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	11.500.000.000	-
IV. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	-	-
- Nguyên giá	222		-	877.177.939
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(877.177.939)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	-	-
- Nguyên giá	228		19.339.080	19.339.080
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.339.080)	(19.339.080)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		12.030.171.706	12.709.355.251

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.012.791	3.087.763
I. Nợ ngắn hạn	310		3.012.791	3.087.763
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	3.012.791	3.087.763
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.027.158.915	12.706.267.488
I. Vốn chủ sở hữu	410	10	12.027.158.915	12.706.267.488
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(12.972.841.085)	(12.293.732.512)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.030.171.706	12.709.355.251



Hỗ Bửu Phương

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Trần Thị Ái Liên

Phụ trách kế toán

Trần Thị Ái Liên

Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B02-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		-	-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	11	745.820	7.885.504
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		679.854.393	635.549.591
9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(679.108.573)	(627.664.087)
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác	40		-	-
13. Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		(679.108.573)	(627.664.087)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(679.108.573)	(627.664.087)
18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	12	(272)	(251)



Hò Bửu Phương

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Trần Thị Ái Liên

Phụ trách kế toán

Trần Thị Ái Liên

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B03-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	745.820	4.123.834
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(37.239.381)	(49.158.624)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(340.670.669)	(330.945.750)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.300.000.000	16.836.493.898
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.802.019.315)	(16.158.674.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	120.816.455	301.838.434
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.400.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	120.816.455	(98.161.566)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	404.355.251	12.044.123.717
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	3.761.670
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	525.171.706	11.949.723.821



Hồ Bửu Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Trần Thị Ái Liên
Phụ trách kế toán

Trần Thị Ái Liên
Người lập

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013Mẫu B05-CTQ
Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	25.000.000.000	(9.983.562.407)	15.016.437.593
Lỗ trong năm	-	(2.310.170.105)	(2.310.170.105)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	25.000.000.000	(12.293.732.512)	12.706.267.488
Lỗ trong kỳ	-	(679.108.573)	(679.108.573)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	25.000.000.000	(12.972.841.085)	12.027.158.915



Hồ Bửu Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Trần Thị Ái Liên
Phụ trách kế toán

Trần Thị Ái Liên
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư An Phát (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005789 ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh sau đó.

Giấy phép thành lập và hoạt động số 13/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2012, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư ANPHA (tên trước đây của Công ty) đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư An Phát.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 6 người (năm 2012 là 6 người).

Danh sách nhân viên có chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Số giấy phép	Ngày cấp	Vị trí công tác
1	Hồ Bửu Phương	272/QLQ	26/06/2009	Tổng Giám đốc
2	Đỗ Chí Thiện	45/QĐ-CCHNQLQ	21/12/2006	Trưởng phòng đầu tư
3	Trần Thị Ái Liên	48/QĐ-CCHNQLQ	21/12/2006	Trưởng phòng phân tích
4	Nguyễn Thị Thùy An	584/QLQ	18/03/2010	Chuyên viên phân tích đầu tư
5	Lưu Tường Bách	616/QLQ	08/04/2010	Trưởng phòng nghiên cứu thị trường

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Thiết bị dụng cụ quản lý

Số năm khấu hao

3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và số vốn được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế trong quá trình hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	489.559.600	197.134.635
Tiền gửi ngân hàng	35.612.106	207.220.616
Cộng	525.171.706	404.355.251

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	5.000.000	5.000.000

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	11.500.000.000	-

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	877.177.939
Thanh lý trong kỳ	(877.177.939)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	877.177.939
Thanh lý trong kỳ	(877.177.939)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 và 30 tháng 6 năm 2013	19.339.080
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 và 30 tháng 6 năm 2013	19.339.080
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 và 30 tháng 6 năm 2013	-

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 19.339.080 đồng.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế thu nhập cá nhân	3.012.791	3.087.763

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết vốn điều lệ

Theo Giấy phép điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	30/06/2013 VND	Tỷ lệ	01/01/2013 VND	Tỷ lệ
Ông Thân Ngọc Minh	6.250.000.000	25%	6.250.000.000	25%
Ông Hồ Bửu Phương	8.750.000.000	35%	8.750.000.000	35%
Ông Nguyễn Tiến Thanh	5.000.000.000	20%	5.000.000.000	20%
Ông Huỳnh Tân Hiệp	5.000.000.000	20%	5.000.000.000	20%
Cộng	25.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

Cổ phần

	30/06/2013 Cổ phần	01/01/2013 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
+ Cổ phần phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
+ Cổ phần phổ thông	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền gửi	745.820	7.885.504

12. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lỗ sau thuế của công ty	(679.108.573)	(627.664.087)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(272)	(251)

13. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và khoản tương đương tiền	525.171.706	404.355.251
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	12.300.000.000
Cộng	525.171.706	12.704.355.251
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	-	-
Cộng	-	-

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2013		
Tiền và khoản tương đương tiền	525.171.706	525.171.706
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	-
Cộng	525.171.706	525.171.706
Tại ngày 30/06/2013		
Phải trả người bán và phải trả khác	-	-
Các khoản vay	-	-
Cộng	-	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	525.171.706	525.171.706

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

14. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lương và thưởng	121.800.000	116.400.000

15. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 chưa được soát xét.



Hồ Bửu Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Trần Thị Ái Liên
Phụ trách kế toán

Trần Thị Ái Liên
Người lập

